

Số: 226/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 22 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh L.

Địa chỉ liên lạc: Số 101 đường Đ, ấp 3, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 21L1/31A đường N, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số 39 đường 75, KĐC T, khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Công T và bà Phạm Thị Đ.

## 2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công T và bà Phạm Thị Đ thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 104/KH.UB, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh L cấp ngày 18/12/2006).

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Công T và bà Phạm Thị Đ xác định có 01 con chung tên Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/8/2006. Hai bên thỏa thuận bà Phạm Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ A cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng cho con do hai bên tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Ông Nguyễn Công T có quyền đi lại trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền, lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Công T và bà Phạm Thị Đ xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Công T tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền ông T đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; hoàn trả lại cho ông T 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014139 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh L (GCNKH số 104/KH.UB, quyền số 01/2006 đăng ký ngày 18/12/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án. (TK Loan)

**THẨM PHÁN**

**Phạm Văn Thạnh**